

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Phương A, sinh năm 1980 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Văn U, sinh năm 1966 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, 24C P, phường K, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Chuyên viên pháp lý của H (Theo Giấy ủy quyền số: 05122017/UQ-TGD, ngày 05/12/2017 của Tổng giám đốc H). (*vắng mặt*)

2. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dmitry M, chức vụ: Tổng giám đốc. (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 20A N, phường T, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2017, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12/6/2018 và tại phiên tòa chị Hồ Thị Phượng A trình bày: Chị và anh Lê Văn U quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 30/7/2015 (theo trích lục kết hôn số 269/TLKH-BS ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã P). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh U thường xuyên đi uống rượu về chửi chị một cách vô cớ và thường xuyên đánh chị. Năm 2016 chị có làm đơn yêu cầu ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng được sự động viên của gia đình hai bên nên chị đã rút đơn ly hôn lại để cho anh U sửa đổi tính tình nhưng cũng chỉ được ít ngày thì anh U lại tiếp tục gây sự, làm cho cuộc sống vợ chồng thêm mâu thuẫn nên chị và anh U đã ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn U.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh U không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh U có tạo được một số tài sản chung như sau: 01 chiếc xe Wave Trung Quốc cũ trị giá 5.000.000đồng; 01 chiếc xe Wave Alpha trị giá 18.000.000đồng và 01 chiếc xe Nouvo 4 mua của Phan Thanh H ở xã A trị giá 12.000.000đồng. Tất cả tài sản này vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Hiện nay chị và anh U có nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H số tiền là 7.857.000 đồng, chị đồng ý có trách nhiệm trả khoản nợ trên.

Tại văn bản ý kiến ngày 26/02/2018 anh Lê Văn U trình bày: Thừa nhận anh và chị Phượng A tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống rất hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi nhau nhưng không nghiêm trọng.

Nay chị Phượng A yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Phượng A không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Phượng A có tạo được một số tài sản chung như sau: 01 chiếc xe Wave Trung Quốc cũ trị giá 5.000.000đồng; 01 chiếc xe Wave Alpha trị giá 18.000.000đồng và 01 chiếc xe Nouvo 4 mua của Phan Thanh H ở xã A trị giá 12.000.000đồng. Tất cả tài sản này vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có nợ chung như sau:

- *Vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H không nhớ ngày tháng năm vay 02 khoản như sau:*

Vay lần 1: Số tiền 10.000.000đ, thời hạn trả 24 tháng, trả 1.029.000đ/tháng, đã trả chỉ còn nợ lại 6 tháng x 1.029.000đ = 6.174.000đồng.

Vay lần 2: Số tiền 15.000.000đ, thời hạn trả 15 tháng, trả 2.260.000đ/tháng, đã trả chỉ còn nợ lại 12 tháng x 2.260.000đ = 27.120.000đồng.

- *Vay nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H không nhớ ngày tháng năm vay 02 khoản như sau:*

Vay lần 1: Số tiền vay ban đầu không nhớ, nhưng trả góp 3.259.000đ/tháng và hiện nay chỉ còn nợ lại 02 tháng là 6.518.000đồng.

Vay lần 2: Số tiền vay 57.000.000đ, thời hạn trả 18 tháng, trả góp 4.290.000đ/tháng, đã trả được 02 tháng, còn nợ 16 tháng x 4.290.000đ = 68.640.000đồng.

Đối với các khoản nợ trên anh U yêu cầu chị Phượng A có trách nhiệm cùng trả nợ chung.

Tại văn bản ý kiến ngày 21/3/2018, đại diện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H (Công ty) trình bày:

H xác nhận rằng anh Lê Văn U và chị Hồ Thị Phượng A có ký hợp đồng vay vốn với H, cụ thể:

- Ngày 15/9/2016, anh Lê Văn U có ký hợp đồng tín dụng số 3682692475 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H để vay số tiền 12.000.000đồng với thời hạn vay từ ngày 15/9/2016 đến 17/9/2018.

- Ngày 09/3/2017, chị Hồ Thị Phụng A ký hợp đồng tín dụng số 3710899269 để vay số tiền 7.857.000đồng với thời hạn vay từ ngày 09/3/2017 đến 12/3/2019.

Do đây là các khoản vay tiêu dùng nên anh U và chị Phụng A vay với tư cách cá nhân. Đối với các khoản nợ hiện tại của anh U và chị Phụng A thì Công ty không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp Công ty sẽ yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ việc độc lập.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 10/4/2018, anh Nguyễn Văn P đại diện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H (Công ty) trình bày:

Vào ngày 21/11/2017, H và anh Lê Văn U đã ký hợp đồng cho vay tiền mặt số CR008581371, H cho anh U vay số tiền 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 18 tháng, bắt đầu ngày 15/12/2017 và kết thúc vào ngày 15/5/2019.

Hiện nay, H không yêu cầu Tòa giải quyết quan hệ hợp đồng dân sự giữa H và anh U trong cùng vụ án hôn nhân và gia đình. Trường hợp anh U vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán thì H sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hồ Thị Phụng A yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn U. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hồ Thị Phụng A với anh Lê Văn U là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị Phụng A làm đơn ly hôn 1 lần vào năm 2016 nhưng được gia đình động viên hàn gắn lại nên chị Phụng A đã rút lại đơn khởi kiện. Sau khi chị Phụng A rút lại đơn khởi kiện thì cuộc sống vợ chồng chị vẫn thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi nhau, dẫn đến anh chị ly thân từ tháng 9/2017

cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay, cả hai không gặp nhau để thương lượng tìm ra phương cách hàn gắn lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho anh, chị hàn gắn lại với nhau nhưng anh U không có mặt theo thông báo của Tòa án, điều đó chứng tỏ anh U không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Phượng A.

Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phượng A đối với anh U là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Phượng A và anh U trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung:

Trong quá trình thu thập chứng cứ chị Phượng A và anh U đều trình bày: Anh, chị có tạo lập được một số tài sản chung là 01 chiếc xe Wave Trung Quốc cũ trị giá 5.000.000đồng; 01 chiếc xe Wave Alpha trị giá 18.000.000đồng và 01 chiếc xe Nouvo 4 mua của Phan Thanh H ở xã A trị giá 12.000.000đồng, nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ chị Phượng A và anh U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung:

Tại phiên tòa, chị Phượng A trình bày: Chị và anh U có nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H số tiền là 7.857.000 đồng, chị đồng ý có trách nhiệm trả khoản nợ trên. Tại văn bản ý kiến ngày 26/02/2018, anh U cho rằng anh và chị Phượng A còn nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H tổng số tiền 33.294.000đồng, nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H tổng số tiền 75.158.000đồng.

Thực tế, trong quá trình thu thập chứng cứ có ý kiến của đại diện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H xác nhận là anh U chỉ còn nợ khoản tiền vay là 57.000.000đồng và đại diện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H xác nhận anh và chị Phượng A chỉ còn nợ tổng số tiền vay là 19.587.000đồng và không có nợ khoản tiền vay nào khác của các Công ty trên. Mặc khác, đại diện của các Công ty cũng có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay trên trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, anh U vắng mặt, xét thấy anh U đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H và Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MTV H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đúng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay trên trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Hồ Thị Phượng A phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Phượng A đối với anh Lê Văn U (theo trích lục kết hôn số 269/TLKH-BS ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị Phượng A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BN/2013 17041 ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, chị Phượng A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Quang Thông